

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ Đ
TỈNH L**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **41/2022/DS - ST**

Ngày: 08 - 8 - 2022

V/v: “*Tranh chấp hợp đồng dân
sự vay tài sản*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ Đ - TỈNH L**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Lan

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trương Minh Thọ;

2. Ông Phạm Quang Vinh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Huỳnh N Phú - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân thành phố Đ, tỉnh L.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đ - tỉnh L tham gia phiên tòa: Bà Cao Thị Bích Hợp - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 8 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Đ - tỉnh L; xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số 127/2021/TLST - DS ngày 07 tháng 6 năm 2021 về việc: “*Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 18/2022/QĐXXST - DS ngày 17 tháng 3 năm 2022, Quyết định hoãn phiên tòa số 180/QĐST - DS ngày 07 tháng 4 năm 2022, Quyết định ngừng phiên tòa số 237/QĐST - DS ngày 29 tháng 4 năm 2022 và Thông báo mở lại phiên tòa số 719/TB - PT ngày 13/7/2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị Như X**, sinh năm: 1985

Địa chỉ: Số 107/3, khu phố 6, phường T, thành phố B, tỉnh Đ.

Địa chỉ liên lạc: Số 968/10/15/3, khu phố 1, phường Tân Mai, thành phố B, tỉnh Đ.

Người đại diện theo ủy quyền: Anh **Hồ Văn N**, sinh năm: 1989.

Địa chỉ: Số 5/1, đường Nguyễn Du, khu phố 4, phường Q, thành phố B, tỉnh Đ (Theo văn bản ủy quyền số 986, quyền số: 01/2021: TP/CC - SCC/HĐGD ngày 04/5/2021) - có mặt.

Bị đơn: Ông **Hoàng Anh N**, sinh năm: 1971.

Địa chỉ: Tổ 20, thôn 4, xã Tà Nung, thành phố Đ, tỉnh L - vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 01/5/2021, đơn khởi kiện bổ sung ngày 25/05/2021 của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Như X và theo bản tự khai cũng như lời trình bày trong quá trình tố tụng của người đại diện theo ủy quyền là anh Hồ Văn N thì: Giữa chị Nguyễn Thị Như X và anh Hoàng Anh N có mối quan hệ bạn bè quen biết. Đầu tháng 8 năm 2020, anh Hoàng Anh N đã đến tìm gặp chị X và trình bày đang có công việc làm ăn cần tiền để đầu tư nên ngỏ ý vay tiền của chị X. Do là chỗ bạn bè nên chị X đã đồng ý cho anh N vay tiền. Việc giao - nhận tiền cho vay giữa chị X và anh N được thực hiện theo nhiều đợt bằng hình thức chuyển khoản qua số tài khoản **050065480015** mở tại Ngân hàng Sài Gòn Thương Tín (Sacombank) của anh Hoàng Anh N với tổng số tiền được làm tròn là: 433.000.000đ (Bốn trăm ba mươi ba triệu đồng), bao gồm cụ thể:

- + Ngày 25/8/2020 chuyển: 5.000.000đ (Năm triệu đồng).
- + Ngày 29/8/2020 chuyển: 5.000.000đ (Năm triệu đồng).
- + Ngày 05/9/2020 chuyển: 30.000.000đ (Ba mươi triệu đồng).
- + Ngày 07/9/2020 chuyển: 70.000.000đ (Bảy mươi triệu đồng).
- + Ngày 10/9/2020 chuyển: 70.000.000đ (Bảy mươi triệu đồng).
- + Ngày 12/9/2020 chuyển: 2.000.000đ (Hai triệu đồng).
- + Ngày 25/9/2020 chuyển: 40.000.000đ (Bốn mươi triệu đồng).
- + Ngày 05/10/2020 chuyển: 85.000.000đ (Tám mươi lăm triệu đồng).
- + Ngày 13/10/2020 chuyển: 30.000.000đ (Ba mươi triệu đồng).
- + Ngày 20/10/2020 chuyển: 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng).
- + Ngày 28/10/2020 chuyển: 36.000.000đ (Ba mươi sáu triệu đồng).
- + Ngày 29/10/2020 chuyển: 10.000.000đ (Mười triệu đồng).
- + Ngày 06/11/2020 chuyển: 3.000.000đ (Ba triệu đồng).
- + Ngày 17/12/2020 chuyển: 27.000.000đ (Hai mươi bảy triệu đồng).

Đến đầu tháng 2 năm 2021 chị X có công việc gia đình cần dùng đến tiền, nên chị X đã yêu cầu anh N sắp xếp hoàn trả lại số tiền đã vay nêu trên và chị X đã nhiều lần liên lạc để yêu cầu anh N trả tiền nhưng anh N luôn tìm mọi lý do, cách thức để tránh né không chịu trả tiền, đồng thời cắt đứt liên lạc với chị X. Tính từ ngày 01/02/2021 cho đến nay anh Hoàng Anh N vẫn chưa hoàn trả khoản tiền nợ vay nào cho chị X.

Nay chị Nguyễn Thị Như X khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Đ buộc anh Hoàng Anh N có trách nhiệm trả lại số tiền đã vay là 433.000.000đ (*Bốn trăm ba mươi ba triệu đồng*), mà chị X đã nhiều lần chuyển qua tài khoản cho anh Hoàng Anh N.

Quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án đã triệu tập và niêm yết các thủ tục tố tụng hợp lệ đối với bị đơn anh Hoàng Anh N, nhưng anh N đều vắng mặt trong quá trình tiếp cận chứng cứ, hòa giải nên không tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa:

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn anh Hồ Văn N có mặt trình bày việc chị X ghi số tiền khởi kiện 433.000.000đ (*Bốn trăm ba mươi ba triệu đồng*) là để làm tròn số. Nay nguyên đơn xác định yêu cầu Tòa án giải quyết buộc anh Hoàng Anh N có trách nhiệm trả lại cho chị X đúng khoản tiền đã chuyển khoản là 432.989.000đ (*Bốn trăm ba mươi hai triệu chín trăm tám mươi chín ngàn đồng*) qua số tài khoản 050065480015 của anh N mở tại Ngân hàng Sài Gòn Thương Tín (Sacombank), ngoài ra chị X không có yêu cầu gì thêm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đ phát biểu về việc tuân theo pháp luật trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án của Thẩm phán, đương sự và Hội Đồng xét xử. Về nội dung, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Như X đối với bị đơn anh Hoàng Anh N, buộc anh N có trách nhiệm trả lại cho chị X số tiền 432.989.000đ mà chị X đã chuyển khoản cho anh N thông qua 14 lần chuyển, do chị X không yêu cầu trả lãi suất nên không buộc anh N phải trả lãi đối với số tiền này.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Xuất phát từ việc giữa chị Nguyễn Thị Như X và anh Hoàng Anh N có xác lập giao dịch dân sự vay mượn tiền thông qua hình thức chuyển khoản qua số tài khoản 050065480015 của anh N mở tại Ngân hàng Sài Gòn Thương Tín (Sacombank), do anh N vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên các bên phát sinh tranh chấp. Quá trình bên cho vay chị X khởi kiện yêu cầu anh N có trách nhiệm trả lại số tiền nợ gốc đã vay. Do vậy có đủ cơ sở xác định quan hệ tranh chấp giữa các bên là “*Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản*” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì Tòa án nhân dân thành phố Đ, tỉnh L có thẩm quyền giải quyết tranh chấp nói trên.

[2] Về tố tụng: Qua xác minh tại Công an xã T đã xác định được bị đơn anh Hoàng Anh N có đăng ký thủ tục thường trú tại tổ 20, thôn 4, xã Tà Nung, thành phố Đ. Tuy nhiên, vào đầu năm 2021 anh N không còn sinh sống tại địa chỉ trên nhưng đi đâu không rõ địa chỉ và Tòa án đã niêm yết hợp lệ các thủ tục tố tụng theo quy định cho anh N nhưng anh N đều vắng mặt, nên căn cứ quy định theo điểm a khoản 2 Điều 6 của Nghị quyết số 04/2017/NQ - HĐTP ngày 05 tháng 5 năm 2017 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao và căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015 xét xử vắng mặt bị đơn theo thủ tục chung là phù hợp.

[3] Về nội dung:

[3.1] Theo tài liệu chứng cứ do nguyên đơn cung cấp, cũng như kết quả cung cấp chứng cứ của Ngân hàng Sài Gòn Thương Tín thì xác định được quá trình chị Nguyễn Thị Như X đã nhiều lần chuyển tiền vào số tài khoản 050065480015 đứng tên anh Hoàng Anh N, cụ thể: Ngày 25/8/2020 chị X chuyển cho anh N số tiền 5.000.000đ (*Năm triệu đồng*); ngày 29/8/2020: chuyển số tiền 5.000.000đ (*Năm triệu đồng*); ngày 05/9/2020 chuyển số tiền 30.000.000đ (*Ba mươi triệu đồng*); ngày 07/9/2020 chuyển số tiền 70.000.000đ (*Bảy mươi triệu đồng*); ngày 10/9/2020 chuyển số tiền 70.000.000đ (*Bảy mươi triệu đồng*); ngày 12/9/2020 chuyển 2.000.000đ (*Hai triệu đồng*); ngày 25/9/2020 chuyển số tiền 40.000.000đ (*Bốn mươi triệu đồng*); ngày 05/10/2020 chuyển số tiền 85.000.000đ (*Tám mươi lăm triệu đồng*); ngày 13/10/2020 chuyển số tiền 30.000.000đ (*Ba mươi triệu đồng*); ngày 20/10/2020 chuyển số tiền 20.000.000đ (*Hai mươi triệu đồng*); ngày 28/10/2020 chuyển số tiền 35.989.000đ (*Ba mươi lăm triệu chín trăm tám mươi chín đồng*); ngày 29/10/2020 chuyển số tiền 10.000.000đ (*Mười triệu đồng*); ngày 06/11/2020 chuyển số tiền 3.000.000đ (*Ba triệu đồng*) và ngày 17/12/2020 chuyển số tiền 27.000.000đ (*Hai mươi bảy triệu đồng*). Tổng cộng các lần chị X chuyển tiền cho anh N là 432.989.000đ (*Bốn trăm ba mươi hai triệu chín trăm tám mươi chín ngàn đồng*). Việc chuyển tiền thể hiện tại bản sao kê và các Giấy báo có do Ngân hàng Sài Gòn Thương Tín cung cấp.

[3.2] Quá trình giải quyết vụ án Tòa án nhận được yêu cầu xác minh, thu thập tài liệu chứng cứ số 26/YC - VKS - HNGĐ ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đ với nội dung xác minh thu thập chứng cứ là “*Yêu cầu bà X cung cấp lịch sử tin nhắn, lịch sử cuộc gọi vay mượn tiền của ông N và bà X qua các lần chuyển khoản vay mượn tiền để làm căn cứ giải quyết vụ án*”

Xét thấy đối với yêu cầu nêu trên của Viện kiểm sát thì tại phiên tòa ngày ngày 29/4/2022 Hội đồng xét xử đã quyết định tạm ngừng phiên tòa để làm rõ yêu cầu này của Viện kiểm sát.

Theo yêu cầu cung cấp chứng cứ thì nguyên đơn có văn bản cung cấp thông tin về các tin nhắn liên lạc giữa chị X và anh N từ các số điện thoại 0974214358 của chị X đến số điện thoại 0977889957 và số điện thoại 0948620679 của anh N. Từ đó Tòa án đã gửi Công văn để thu thập chứng cứ đến Trung tâm kinh doanh VNPT - L và Công ty Viettel L để xác minh về thông tin của các số thuê bao trên cũng như xác minh về lịch sử tin nhắn liên lạc giữa chị X và anh N từ khoảng thời gian từ tháng 8 năm 2020 đến nay. Theo nội dung công văn số 1092/TTKDLĐG - ĐHNV ngày 02/6/2022 của Trung tâm kinh doanh VNPT - L thì xác định được số thuê bao 0948620679 là của anh N, nhưng về nội dung thông tin liên lạc liên quan đến số thuê bao trên thì phía Trung tâm kinh doanh VNPT - L từ chối cung cấp. Theo nội dung công văn số 1190/CNVTQĐ - TTKT ngày 23/6/2022 của Tập đoàn công nghiệp viễn thông Quân Đội (Viettel) xác định được số điện thoại 0974214358 của chị X và số điện thoại 0977889957 là của anh N, nhưng tại thời điểm lấy số liệu (ngày 23/6/2022), trên hệ thống không còn lưu nội dung tin nhắn của 02 số điện thoại nêu trên.

Tuy nhiên, căn cứ vào các chứng cứ do nguyên đơn cung cấp và căn cứ vào chứng cứ của Tòa án thu thập được đã thể hiện rõ quá trình chị X chuyển khoản nhiều lần cho anh N thông qua số tài khoản 050065480015 đứng tên anh Hoàng Anh N với tổng số tiền 432.989.000đ (*Bốn trăm ba mươi hai triệu chín trăm tám mươi chín ngàn đồng*).

[3.3] Xét lời trình bày của phía nguyên đơn cùng các tài liệu chứng cứ do nguyên đơn cung cấp phù hợp với tài liệu chứng cứ Tòa án đã thu thập được, nên có căn cứ xác định giữa chị Nguyễn Thị Như X và anh Hoàng Anh N đã xác lập giao dịch vay tiền nhiều lần thông qua hình thức chuyển khoản qua số tài khoản do anh N mở tại Ngân hàng Sài Gòn Thương Tín, việc giao dịch chuyển tiền là xảy ra trong thực tế. Vì vậy, đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu bị đơn có trách nhiệm trả số tiền nợ gốc 432.989.000đ (*Bốn trăm ba mươi hai triệu chín trăm tám mươi chín ngàn đồng*) là có cơ sở được chấp nhận.

[3.4] Về tiền lãi: Quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị X không yêu cầu anh N trả tiền lãi suất, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Với những nhận định trên cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nguyên đơn chị Nguyễn Thị Như X về việc yêu cầu anh Hoàng Anh N có trách nhiệm trả lại số tiền nợ gốc là 432.989.000đ (*Bốn trăm ba mươi hai triệu chín trăm tám mươi chín ngàn đồng*) mà chị X đã nhiều lần chuyển khoản thông qua số tài khoản 050065480015 đứng tên anh N mở tại Ngân hàng Sài Gòn Thương Tín.

[5] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện được chấp nhận nên chị X không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; anh N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trên số tiền phải thanh toán cho chị X.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 143, Điều 147, khoản 2 Điều 227 và Điều 266 của Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015;

- Căn cứ Nghị quyết số 04/2017/NQ - HĐTP ngày 05 tháng 5 năm 2017 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao;

- Áp dụng các Điều 463, 466, 469 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Áp dụng Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc “*Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản*” của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Như X đối với bị đơn anh Hoàng Anh N.

Tuyên xử:

1/Buộc anh Hoàng Anh N phải có trách nhiệm trả cho chị Nguyễn Thị Như X số tiền nợ gốc là 432.989.000đ (*Bốn trăm ba mươi hai triệu chín trăm tám mươi chín ngàn đồng*) mà chị X đã nhiều lần chuyển khoản cho anh N thông qua số tài khoản 050065480015 đứng tên anh Hoàng Anh N mở tại Ngân hàng Sài Gòn Thương Tín.

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2/Về án phí: Anh Hoàng Anh N phải chịu 21.319.560đ (*Hai mươi một triệu ba trăm mười chín ngàn năm trăm sáu mươi đồng*) án phí Dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho chị X số tiền 10.660.000đ (*Mười triệu sáu trăm sáu mươi ngàn đồng*) tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003936 ngày 04/6/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Đ, tỉnh L.

3/Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 (*mười lăm*) ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 08/8/2022). Riêng đương sự

vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc kể từ ngày niêm yết Bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh L xét xử phúc thẩm.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án Dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh L;
- VKSND tp. Đ;
- Chi cục THADS tp.Đ;
- Các đương sự;
- Lưu: bộ phận lưu trữ, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Đã ký

Trần Thị Lan

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

